



LILAMA EMC

MÃ CHỨNG KHOÁN: L35

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
(NĂM 2019)

Ninh Bình, tháng 03 năm 2020

Phần I THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2700224390, đăng ký lần đầu ngày 06/10/2006, Đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30/10/2007, thay đổi lần 2 ngày 07/09/2011.
- Vốn điều lệ: 32.651.550.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 32.651.550.000 đồng
- Địa chỉ: Số 72E, đường Hoàng Diệu, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.
- Số điện thoại: 02293.871.125
- Số fax: 02293.873.074
- Website: www.lilamaemc.com.vn
- Mã cổ phiếu: L35

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama được thành lập theo hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cơ khí lắp máy, thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 925/QĐ-BXD ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tiền thân của Công ty là Đội công trường Lắp máy trực thuộc Liên hiệp Lắp máy – Bộ Xây dựng, được thành lập năm 1978. Từ năm 1983 đổi thành “Xí nghiệp Cơ khí lắp máy” trực thuộc Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy – Bộ Xây dựng, theo Quyết định số 012A/BXD-TCLĐ ngày 27/01/1983 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Từ năm 1996, là “Công ty Cơ khí lắp máy” thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 05/BXD-TCLĐ ngày 02/01/1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Tháng 7/2007 Công ty trở thành công ty đại chúng.

- Tháng 3/2010 Công ty chính thức niêm yết và giao dịch 3.265.155 cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là L35.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (giao thông, thủy lợi, công nghiệp, đường điện, trạm biến áp, xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền móng).

+ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Khảo sát, tư vấn: Kết cấu dân dụng, công nghiệp; quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội - ngoại thất dân dụng, công nghiệp; cấp điện ngành nông nghiệp; chế tạo thiết bị máy cơ khí. Kiểm tra mối hàn (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; chống ăn mòn bề mặt kim loại.

- + Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.
- + Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.
- + Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- + Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm).
- + Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- + Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- + Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu.
- + Đại lý.
- + Lắp đặt hệ thống điện.
- + Sản xuất thiết bị điện khác (cơ, điện).
- + Sửa chữa máy móc, thiết bị.
- + Bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- + Hoàn thiện công trình trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất.
- + Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.
- + Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện.
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- + Sản xuất hóa chất cơ bản (khí công nghiệp).
- + Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (khí công nghiệp).
- + Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

3.2. Địa bàn kinh doanh:

Công ty tham gia thi công các công trình dự án trong phạm vi cả nước. Trong đó 2 năm gần nhất, các địa bàn hoạt động chiếm trên 10% tổng doanh thu gồm: Ninh Bình, Hà Nam, Thái Bình, Thanh Hóa, Hậu Giang, Sóc Trăng, Hà Nội.

4. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo mô hình quản trị của Công ty cổ phần, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban Tổng Giám đốc; Ban kiểm soát.

4.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty như sau:



5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

(1) Mục tiêu tổng quát:

- Tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu LILAMA, hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý để hoạt động của Công ty đạt hiệu quả cao hơn với lộ trình phù hợp, không gây nhiều xáo trộn trong sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng Công ty thành một đơn vị mạnh, có quy mô lớn hơn, trình độ quản lý chuyên nghiệp hơn và chuyên môn hóa theo ngành nghề kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh và khoa học công nghệ, không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

(2) Mục tiêu cụ thể:

Giai đoạn 2016-2020 các mục tiêu của Công ty không hoàn thành, chủ yếu do hàng loạt dự án thi công gặp vướng mắc, tiến độ kéo dài, thậm chí là dừng thi công. Tiêu biểu như Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhiệt điện Long Phú 1... Trên cơ sở tình hình hiện tại, Công ty tiếp tục điều chỉnh mục tiêu giai đoạn 2022-2030, cụ thể như sau:

- Tích cực tham gia vào các dự án do LILAMA làm thầu chính, đồng thời mở rộng thị trường do công ty trực tiếp ký kết với vai trò độc lập, phấn đấu đến năm 2025 trong cơ cấu doanh thu: 15 - 20% doanh thu thực hiện từ hợp đồng với Tổng công ty LILAMA, doanh thu còn lại do Công ty tự tìm kiếm từ thị trường bên ngoài.

- Tăng thị phần và doanh thu chế tạo, lắp đặt thiết bị từ các dự án Điện, tiếp cận và từng bước tăng thị phần dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và chế tạo thiết bị thay thế ở các nhà máy điện, chú trọng thị trường các nhà máy, công trình trong khu vực tỉnh Ninh Bình và các tỉnh lân cận.

- Tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng vào trong giai đoạn 2021 - 2025 để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.

- Tăng trưởng Tổng doanh thu bình quân hàng năm giai đoạn 2021 – 2025 đạt từ 07 – 10 %, tổng giá trị doanh thu đến cuối năm 2025 đạt từ 370 tỷ đồng.

- Tăng trưởng lợi nhuận bình quân hàng năm giai đoạn 2021 – 2025 từ 20% - 40%, đến cuối năm 2025 lợi nhuận trước thuế đạt từ 11 tỷ đồng.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

(1) Chiến lược tăng trưởng:

- Giai đoạn 2020 – 2025: Hoàn thành các công trình đang thi công, củng cố và gia tăng thị phần khu vực miền Trung và miền Bắc đối với các dự án ngành năng lượng, sản xuất vật liệu xây dựng, lọc hóa dầu, đạt mục tiêu doanh thu tối thiểu 225 tỷ đồng vào năm 2025.

- Giai đoạn 2025 - 2030: Trên cơ sở kết quả thực hiện giai đoạn trước, tiếp tục tập trung đầu tư phát triển, tạo tiền đề để Công ty hoạt động chuyên sâu trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất thi công các dự án nhiệt điện, thủy điện, phong điện, điện khí..., tạo lợi thế cạnh tranh đối với các dự án trong nước với vai trò nhà thầu độc lập, đạt mục tiêu doanh thu tối thiểu 370 tỷ đồng vào năm 2030.

(2) Chiến lược lợi nhuận:

- Trong giai đoạn từ 2020 – 2025: Tiếp tục củng cố năng lực và thương hiệu, ưu tiên tăng quy mô về lao động, nâng cao năng lực thiết bị thi công, nâng cao năng suất lao động, mở rộng thị trường để tăng doanh thu, duy trì tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu từ 3 - 5%.

- Giai đoạn sau từ năm 2025 – 2030: Nâng tầm thương hiệu Công ty, cải thiện hiệu quả hoạt động, nâng cao lợi nhuận, phấn đấu đến năm 2030 đạt tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tối thiểu 15 % .

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

+ Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV, phấn đấu mức thu nhập bình quân hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/người/tháng.

+ Cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện nơi ăn ở, sinh hoạt của CBCNV trực tiếp thi công tại các công trình.

+ Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng và kích thích sản xuất phát triển.

+ Chăm lo sức khỏe cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, mua BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ; đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao, thăm hỏi trợ cấp khó khăn kịp thời, chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV; tích cực tham gia các phong trào xã hội từ thiện và các hoạt động xã hội khác.

+ Đầu tư công nghệ, tổ chức sản xuất theo hướng tiết kiệm và tái sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng, nước... sử dụng nhiên liệu thân thiện để bảo vệ môi trường.

+ Tích cực tham gia, thực hiện tốt các chính sách xã hội.

6. Các rủi ro

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tác động trực tiếp từ tình hình chung của nền kinh tế trong nước và thế giới, tình hình hoạt động đầu tư, tiến độ xây dựng các dự án, chính sách phát triển lĩnh vực cơ khí của đất nước.

Trong hoạt động xây lắp, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất nhiều thời gian, dẫn tới tình trạng khối lượng công việc dở dang nhiều, hạch toán kế toán không kịp thời.

Việc giải ngân, thanh toán thường chậm do khó khăn từ việc thu xếp vốn của chủ đầu tư, thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn và hiệu quả hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Biến động nguồn nhân lực tương đối lớn do đặc thù hoạt động của ngành, người lao động phải trực tiếp tham gia thi công trên các công trường dự án, điều kiện sinh hoạt, đi lại của CBCNV gặp nhiều khó khăn...

Phần II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động Sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động SXKD năm 2019: Một số chỉ tiêu đạt được cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ
1	Doanh thu	182,7	122,4	66,9%
2	Lợi nhuận trước thuế	1,8	0,376	20,8%
3	Nộp Ngân sách	10,0	8,3	83%
4	Thu nhập BQ/Người/Tháng (triệu đồng)	8,2	8,2	100%
5	Trả cổ tức (dự kiến)	%	-	-

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Về thi công: Công ty tiếp tục tổ chức thi công các công trình/dự án chuyên tiếp từ 2018 như Nhiệt điện Sông Hậu 1, Thái Bình 2, XM Nam Sơn, XM Tân Thắng... Ngoài ra, một số hợp đồng thi công công trình/hạng mục mới được ký kết và triển khai như nhiệt điện Nghi Sơn 2, Sửa chữa Xi măng The Vissai, Tam Điệp...

Trong năm, một số dự án gặp vướng mắc, giãn tiến độ hoặc tạm dừng thực hiện, trong khi hiệu quả công tác quản lý sản xuất và mở rộng thị trường của công ty chưa cao, dẫn đến hoạt động của đơn vị gặp nhiều khó khăn, đa số các chỉ tiêu kế hoạch SXKD không hoàn thành.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành:

(1) Tổng giám đốc: **Nguyễn Văn Triều**

Số CMTND: 013250611 - Cấp ngày 19/01/2010 tại Hà Nội

Ngày tháng năm sinh: 27/03/1971 - Giới tính: Nam

Nơi sinh: Hải Triều – Tiên Lữ - Hưng Yên

Quê quán: Hải Triều – Tiên Lữ - Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: P604- Chung cư 54 Hạ Đình, P Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

Từ 3/1995 - 6/1996: CB Kỹ thuật - Cty Lắp máy & Xây dựng 45-1 – TP HCM

Từ 7/1996 - 1/1998: Trưởng ban Kỹ thuật - XN Lắp máy Sao Mai - Công ty Lắp máy & Xây dựng 45-1

Từ 2/1998 - 4/2001: Trưởng ban Kỹ thuật - XN Lắp máy Sao Mai Nghi Sơn- Công ty Lắp máy & Xây dựng 45-1

Từ 5/2001 - 10/2001: CB Phòng Kinh tế Kỹ thuật - Công ty Lắp máy & Xây dựng 45-1, TP Hồ Chí Minh

Từ 11/2001 - 2/2002: Phó trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật - Công ty Lắp máy & Xây dựng số 7, TP Đà Nẵng

Từ 3/2002 - 9/2003: Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật - Công ty Lắp máy & Xây dựng số 7, TP Đà Nẵng

Từ 10/2003 - 5/2006: Phó giám đốc - Công ty Lắp máy & Xây dựng số 7, Đà Nẵng

Từ 6/2006 - 9/2009: Phó giám đốc - Cty Lắp máy & Xây dựng 69-3, Hải Dương
 Từ 10/2009-8/2011: Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật – Tổng công ty Lắp máy Việt Nam, TP Hà Nội
 Từ 9/2011 – nay: Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, TP Ninh Bình, Ninh Bình
 Chức vụ hiện tại: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần = 0%;
- Đại diện sở hữu cổ phần của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam: 552.425 cổ phần = 16%

(2) Phó Tổng giám đốc: Nguyễn Giang Nam

Số CMND/CCCD : 019069000101 cấp ngày 18/3/2017 tại Ninh Bình
 Ngày tháng năm sinh : 29/09/1969 - Giới tính: Nam
 Nơi sinh : Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Bắc Thái
 Quê quán : An Mỹ - Bình Lục - Hà Nam
 Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú : Phố Phúc Sơn - Phường Thanh Bình - Tp.Ninh Bình
 Trình độ văn hoá : 10/10 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác :

Từ 1986 – 1989 : Nhập ngũ E250, Bộ tư lệnh thông tin
 Từ 1989 – 1991 : Học nghề tại Trường nghề Lilama 1
 Từ 1992 - 2006 : Công nhân Kỹ thuật - Nhà máy Chế tạo thiết bị & Kết cấu thép
 Từ 2001 – 2006 : Học tại chức ngành Cơ khí – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
 Từ 2006 – 2007 : Kỹ sư - Công ty Cơ khí Lắp máy - TX Ninh Bình
 Từ 2007 – 2010 : Phó Giám đốc Nhà máy Chế tạo thiết bị KCT (trực thuộc Cty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama)
 Từ 2010 - 2019: Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Cơ khí lắp máy Lilama
 Từ 7/2019 – nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 6.060 cổ phần = 0,18%

(3) Phó Tổng giám đốc: Nguyễn Thanh Quang

Ngày sinh: 10/3/1961 - Giới tính: Nam
 Nơi sinh: Kiến Xương – Thái Bình
 Quê quán: Kiến Xương – Thái Bình
 Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
 Chứng minh nhân dân: 141756980 cấp ngày 7/7/1994 tại Hải Dương
 Địa chỉ thường trú: Minh Tân – Kinh Môn – Hải Dương
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Quá trình công tác:

Từ 6/1982 - 04/1984: Cán bộ kỹ thuật – Xí nghiệp liên hiệp lắp máy 69
 Từ 5/1984 - 07/1988: Cán bộ kỹ thuật – Xí nghiệp Lắp máy 69-3
 Từ 08/1988 - 05/1998: Cán bộ kỹ thuật – Công ty LM và XD 69-3

Từ 06/1998 - 03/2001: Đội trưởng thi công nhiệt điện Phả Lại 2 - Cty LM và XD 69-3
 Từ 04/2001 - 02/2003: Biệt phái VP đại diện LILAMA tại Công trình XM Tam Điệp
 Từ 01/2004 - 05/2007: Đội trưởng thi công XM Bím Sơn, XM Hoàng Thạch
 Từ 06/2007 – nay: Trưởng phòng Kỹ thuật Cty CP cơ khí Lắp máy LILAMA
 Từ 11/2009 – nay: Phó Tổng giám đốc Cty CP cơ khí Lắp máy LILAMA

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0 cổ phần = 0 %

(4) Kế toán trưởng: Nguyễn Mạnh Hưởng

Ngày sinh: 14/01/1982 - Giới tính: Nam

Nơi sinh: Trường Thịnh, TX Phú Thọ, Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh

Quê quán: Trường Thịnh, TX Phú Thọ, Phú Thọ

Chứng minh nhân dân: 012266297 cấp ngày 24/05/2012 tại Hà Nội

Địa chỉ thường trú: P 808 Nhà N01, Số 282 Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 11/2004 - 04/2017: Ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Lắp máy Việt Nam

Từ 04/2017 - nay: Kế toán trưởng – Thành viên HĐQT Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần = 0%;

- Đại diện sở hữu cổ phần của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam: 489.773 cổ phần = 15%

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Ông Nguyễn Văn Huân, Phó Tổng giám đốc: Nghi hưu từ 01/08/2019 theo chế độ.

- Ông Nguyễn Giang Nam, được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc từ 18/07/2019.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tổng số cán bộ nhân viên bình quân năm 2019 là: 443 người

- Chính sách đối với người lao động:

+ Việc làm cho người lao động được đảm bảo, thu nhập bình quân đạt 8,2 triệu đồng/người/tháng bằng 100% kế hoạch. Việc thanh toán lương cho người lao động đầy đủ và tương đối kịp thời; các chế độ chính sách với người lao động được thực hiện đúng pháp luật. Công tác chăm lo đời sống cho người lao động được quan tâm, cải thiện. Công tác an toàn lao động, an ninh tài sản được duy trì tốt.

+ Về tiền lương: Tiền lương đối với CBCNV được thực hiện theo Quy chế lương áp dụng thống nhất trong toàn công ty. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương sản phẩm theo hợp đồng khoán phù hợp với khối lượng công việc hoàn thành trong tháng, gắn năng suất và hiệu quả công tác với thu nhập được hưởng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo trình độ, năng lực và hiệu quả thực hiện công việc được giao.

+ Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành công việc tốt nhất. Công ty đã triển khai kế hoạch, chương trình đào tạo năm 2019 cho các nhóm kỹ sư/chuyên viên (về ngoại ngữ, trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý); nhóm công nhân kỹ thuật (tay nghề/kỹ năng) bằng các hình thức đào tạo tại chỗ (kèm cặp và hướng dẫn) và cử đi đào tạo tập trung tại các cơ sở đào tạo.

+ Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc; phát động các đợt thi đua và tổng kết khen thưởng sau các đợt thi đua...; đồng thời xử lý trách nhiệm vật chất, kỷ luật lao động theo quy định của pháp luật.

+ Công tác chăm lo đời sống đối với CBCNV: Công ty luôn quan tâm, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Thường xuyên đầu tư cơ sở vật chất để cải thiện điều kiện sinh hoạt và làm việc cho CBCNV trên các công trường, nhà máy; hàng năm tổ chức cho CBCNV đi tham quan, nghỉ mát phù hợp với điều kiện của đơn vị...

+ Tuân thủ các quy định của Nhà nước về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nâng lương, nâng bậc hằng năm, các chế độ ốm đau, nghỉ phép, nghỉ lễ...

+ Thực hiện chế độ trợ cấp cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn kịp thời, đúng đối tượng. Công ty xây dựng quỹ từ thiện, quỹ xóa đói giảm nghèo, luôn đảm bảo kinh phí để chi cho công tác này hàng năm.

+ Công tác BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn lao động: Công ty luôn chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước. 100% lao động làm việc theo hợp đồng từ trên 1 tháng được tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN. Các chế độ chính sách đối với người lao động được công ty thực hiện đầy đủ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

Về hoạt động đầu tư: Kế hoạch đầu tư 2019 tiếp tục được công ty thực hiện cẩn trọng, giá trị đầu tư trong năm đạt: 2,86 tỷ đồng.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Hiện tại, Công ty không có công ty con/công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	215.528.564.339	242.434.348.144	88,90
2	Doanh thu thuần	122.423.319.664	171.077.202.701	71,56
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	378.613.328	1.662.000.000	22,78
4	Lợi nhuận khác	-	5.511.058	-
5	Lợi nhuận trước thuế	378.613.328	1.667.511.058	22,71

6	Lợi nhuận sau thuế	302.890.661	1.334.008.847	22,71
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	75	329	22,80

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1	Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,16 lần	1,12 lần	
2	Hệ số khả năng thanh toán nhanh (TSNH - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,91 lần	0,82 lần	
3	Hệ số nợ (Nợ phải trả / Tổng tài sản)	80,1%	77,6 %	
4	Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu (Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu)	40,3%	34,7 %	
5	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân trong kỳ)	3,12 vòng	2,15 vòng	
6	Vòng quay tài sản (Doanh thu thuần/tổng tài sản)	0,71 vòng	0,56 vòng	
7	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,78%	0,2 %	
8	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,77%	0,6 %	
9	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,55%	0,1 %	
10	LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	0,97%	0,3 %	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần 3.265.155 (cổ phần)
- Trong đó: Cổ phần phổ thông: 3.265.155 (cổ phần)

5.2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Phân loại	Số lượng cổ đông	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ
1	Phân loại theo tỷ lệ sở hữu			
	a) Cổ đông lớn	2	1.936.929	59,32%
	b) Cổ đông nhỏ	476	1.328.226	40,68%
2	Phân loại theo tổ chức, cá nhân			
	a) Cá nhân	470	1.587.488	48,75%

	b) Tổ chức	6	1.591.626	51,25%
3	Phân loại theo trong nước, ngoài nước			
	a) Trong nước	473	3.216.255	98,69%
	b) Ngoài nước	3	42.800	1,31%
4	Phân loại theo cổ đông Nhà nước, cổ đông khác			
	a) Nhà nước (Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữa trên 51% vốn Điều lệ)	1	1.665.229	51%
	b) Cổ đông khác	475	1.599.926	49%

(Theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán - NĐKCC là 09/04/2019)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

6.1. Quản lý nguồn vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm: 10.000 tấn gồm sắt thép và nguyên vật liệu khác phục vụ chế tạo các thiết bị cơ khí.

b) Khoảng 0,3% nguyên vật liệu trong năm được tái chế, tái sử dụng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 160.500 Kwh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Tiết kiệm khoảng 1,5 % tổng năng lượng sử dụng thông chương trình tiết kiệm, tiết giảm chi phí chung.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Chủ yếu sử dụng nước do các Công ty nước sạch cung cấp để phục vụ mục đích sinh hoạt cho CBCNV tại văn phòng và các đơn vị sản xuất, trong năm sử dụng 15.500 m³ nước sinh hoạt.

b) Tỷ lệ % và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 1%.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền bị xử phạt: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động bình quân 443 người, mức lương bình quân 8.200.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV, tăng hiệu quả sản xuất để tăng thu nhập chính đáng cho người lao động, thực hiện quy chế khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp định kỳ và đột xuất.

- Cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện nơi ăn ở, sinh hoạt của CBCNV trực tiếp thi công tại các công trình.

- Chăm lo sức khỏe cho người lao động bằng việc cung cấp vật tư thiết bị y tế và tổ chức mạng lưới cán bộ phụ trách y tế từ công ty đến các đơn vị, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm và bố trí công việc phù hợp với tình trạng sức khỏe, mua BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ.

c) Hoạt động đào tạo:

- Số giờ đào tạo trung bình với cán bộ: 15 giờ/năm.

- Số giờ đào tạo trung bình với công nhân kỹ thuật: 60 giờ/năm.

- Chương trình phát triển năng lực người lao động:

+ Khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, kỹ năng.

+ Xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình đào tạo hằng năm.

+ Tổ chức huấn luyện theo các đợt thi nâng bậc lương hằng năm.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương:

+ Tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của địa phương, tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn, bảo đảm vệ sinh môi trường, cảnh quan.

+ Chủ động và tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện tại địa phương.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

Phần III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

TT	Nội dung	Thực hiện 2018 (triệu đồng)	Thực hiện 2019 (triệu đồng)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu	171.077	122.400	71,5%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.667	376	22,5%
3	Nộp Ngân sách	14.200	8.300	58,4%
4	Cổ tức thực hiện	0%	0%	-
5	Đầu tư XDCB	0	2.860	-

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Trong công tác sản xuất: Chất lượng sản phẩm chế tạo, lắp đặt cơ bản đáp ứng được yêu cầu đề ra; năng lực thi công nói chung của Công ty vẫn được chủ đầu tư/khách hàng ghi nhận;
- Việc làm, thu nhập và các chế độ quyền lợi cho người lao động được duy trì;
- An toàn thi công, an toàn vệ sinh lao động, an ninh trật tự được đảm bảo;
- Thu hồi vốn tiếp tục được đẩy mạnh và có kết quả đáng ghi nhận, một số công nợ cũ đã được thu hồi.
- Công tác phong trào, đoàn thể được triển khai thiết thực và phù hợp.

2. Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1	Cơ cấu tài sản		
	+ Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	91,07%	85,66%
	+ Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	8,93%	14,34%
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	+ Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	80,12%	77,73%
	+ Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	19,88%	22,27%
3	Hệ số khả năng sinh lời		
	+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,78%	0,24%
	+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH	2,76%	0,63%
	+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	4,08%	0,93%
	+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,55%	0,14%
4	Hệ số nợ và khả năng thanh toán		
	+ Hệ số nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	4,028 lần	3,48 lần
	+ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	1,248 lần	1,286 lần
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	1,136 lần	1,103 lần

Từ một số chỉ tiêu tài chính của công ty năm 2018 và 2019 cho thấy:

- Cơ cấu tài sản của công ty năm 2019 thay đổi đáng kể so với năm 2018, tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản giảm 5,35% so với cùng kỳ, phần giảm này (36,13 tỷ tài sản ngắn hạn, chủ yếu là giảm các khoản phải thu ngắn hạn),
- Về cơ cấu nguồn vốn thì nợ phải trả trên tổng nguồn vốn giảm đi 2,39% so với năm 2018 chủ yếu là phải trả người bán, nợ vay ngân hàng giảm.
- Về hệ số khả năng sinh lời của công ty năm 2019 giảm mạnh so năm 2018.
- Hệ số nợ và khả năng thanh toán của công ty thấp hơn năm 2018.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ chương trình tái cấu trúc công ty theo Đề án điều chỉnh, bổ sung đã được phê duyệt. Trong đó, tập trung thực hiện các giải pháp để nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển và thực hiện chủ trương thoái vốn theo đề án của Lilama.

- Thực hiện chế độ Chủ tịch HĐQT chuyên trách, đảm bảo số lượng thành viên HĐQT độc lập hoặc không điều hành theo đúng Điều lệ công ty.

- Trên cơ sở Điều lệ 2018 sửa đổi, Quy chế quản trị 2018 sửa đổi phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản pháp luật mới có liên quan; HĐQT chỉ đạo việc rà soát, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống Quy chế, Quy định nội bộ khác phù hợp với Pháp luật và Điều lệ, để thống nhất quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường các biện pháp quản lý sau khoán, quản lý sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng phương tiện máy móc thiết bị để giảm chi phí sản xuất.

- Cơ cấu lại nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư, sử dụng linh hoạt các nguồn tiền và vốn đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng các dự án.

- Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển phù hợp với tình hình kinh tế xã hội và chính sách đầu tư xây dựng cơ bản của đất nước, phù hợp quy mô nguồn vốn và trang thiết bị, chú trọng phát triển nhân tố con người thông qua các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Lấy hiệu quả, chất lượng, chữ tín làm cơ sở xây dựng thương hiệu, ổn định và phát triển sản xuất...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Xây dựng Công ty trở thành một đơn vị mạnh của Tổng công ty LILAMA, là nhà thầu chuyên sâu vào nhóm ngành EPC điện (Điện than, Thủy điện, Phong điện, Điện khí...) và các lĩnh vực có liên quan.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, chuẩn hoá các hệ thống quản lý; nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ để thoả mãn toàn diện yêu cầu của khách hàng, đủ điều kiện để tham gia vào các dịch vụ trong chuỗi giá trị sản phẩm liên kết toàn cầu.

- Trong năm 2020 phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ 2019/2018
1	Giá trị doanh thu	Tr.đồng	122.400	121.261	99,1%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	376	980	258,8%
3	Nộp ngân sách	Tr.đồng	8.300	10.000	120,5%
4	Đầu tư	Tr.đồng	2.860	3.217	112,2%
5	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	8,200	8,500	103,6%

- Một số giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch SXKD 2020:

- + Tăng cường kiểm soát chi phí, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tất cả nguồn lực (máy móc, dụng cụ, nhân công...) để giảm chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD;
- + Chuẩn hóa quy trình giao khoán, nâng cao hiệu quả công tác khoán và tăng cường việc kiểm soát sau khoán; thực hiện khoán sâu, gắn hiệu quả sản xuất với thu nhập, làm cơ sở nâng cao năng suất lao động;
- + Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến phương án tổ chức và biện pháp thi công hiệu quả, tiết kiệm;
- + Kết hợp thực hiện tốt công tác khoán, kiểm soát chi phí, nâng cao năng suất lao động để giảm đơn giá chào thầu, làm cơ sở nâng cao hiệu quả công tác thị trường.
- + Tiếp tục cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập để tăng mức độ thu hút và giữ chân người lao động;
- + Tập trung thực hiện quyết liệt có hiệu quả công tác thu hồi công nợ để bổ sung nguồn vốn tự có, giảm vay tín dụng, đồng thời tìm kiếm bổ sung nguồn vốn ưu đãi, nguồn vốn có lãi suất thấp để giảm chi phí tài chính.
- + Tiếp tục thực hiện “Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty” theo kế hoạch đã đề ra.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn quan tâm và có trách nhiệm thực hiện tốt các quy định của Nhà nước, của địa phương và các KCN trong việc bảo vệ môi trường. Hoạt động sản xuất thi công tại Nhà máy và Công trường đảm bảo các tiêu chí bảo vệ môi trường, đặc biệt là sử dụng tiết kiệm và xử lý nước thải, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm và tái sử dụng vật tư nguyên liệu, đảm bảo cảnh quan khu sản xuất với hệ thống cây xanh, không chế tốt khí bụi, tiếng ồn...

5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và người lao động, coi trọng nhân tố con người. Đưa mục tiêu bảo đảm việc làm, nâng cao thu nhập, bảo vệ sức khỏe, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động thành một trong những mục tiêu hàng đầu trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Luôn xác định trách nhiệm của công ty đối với các vấn đề của xã hội, cộng đồng, địa phương.

Phần VI

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Về sản xuất kinh doanh:

Năm 2019, tiếp tục là một năm hết sức khó khăn đối với Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama. Một số dự án gặp vướng mắc, giãn tiến độ như Nhiệt điện Long Phú 1, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhiệt điện Thái Bình 2; trong đó, đặc biệt là Nhiệt điện

Long Phú 1 hiện đang tạm dừng thực hiện... đã tác động không nhỏ đến kết quả SXKD của Công ty.

Bên cạnh đó, công tác tổ chức và quản lý sản xuất chưa đạt yêu cầu đề ra, năng suất lao động chậm cải thiện, nguồn nhân lực thiếu ổn định... cũng làm giảm đáng kể hiệu quả hoạt động của đơn vị.

Tổng giá trị doanh thu năm 2019 đạt 122,4/182,7 tỷ đồng bằng 66,7 % kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 0,38/1,8 tỷ đồng bằng 21% kế hoạch.

Tuy vậy, Công ty cũng đã có nhiều giải pháp khắc phục khó khăn, đẩy mạnh công tác thị trường để bù đắp thiếu hụt về doanh thu, tiếp tục duy trì ổn định sản xuất, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Tại các dự án, chất lượng sản phẩm chế tạo và lắp đặt cơ bản đáp ứng được yêu cầu đề ra; năng lực thi công nói chung của Công ty được chủ đầu tư/khách hàng ghi nhận. Một số hợp đồng tại các dự án mới đã được ký kết và triển khai như Nhiệt điện Nghi Sơn 2, Dây chuyền 3 Xi măng Xuân Thành... tạo tiền đề để Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD 2020.

1.2. Về tình hình tài chính:

Tình hình tài chính năm 2019 khó khăn và tiềm ẩn rủi ro. Các dự án vướng mắc, giãn tiến độ kéo theo công tác nghiệm thu, quyết toán kéo dài, việc giải ngân/thanh toán chậm. Ngoài ra, nhiều khoản nợ cũ vẫn chưa thu hồi được, hoặc chỉ thu hồi được một phần khiến nợ phải thu lớn. Những vấn đề về tài chính như trên dẫn đến việc Công ty bị phụ thuộc quá nhiều vào nguồn vốn vay, làm chi phí tài chính tăng cao, hiệu quả SXKD giảm...

Tuy vậy, trong năm nguồn vốn cho sản xuất cơ bản vẫn được đáp ứng, tiền lương/chế độ cho người lao động và việc trích nộp BHXH và Ngân sách NN vẫn được đảm bảo. Tỷ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu ở mức (3,47 lần) giảm so với năm trước (4,02 lần), không có nợ quá hạn.

1.3. Về đầu tư:

Kế hoạch đầu tư 2019 tiếp tục được công ty thực hiện cẩn trọng, giá trị đầu tư trong năm đạt: 2,86 tỷ đồng.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục thu xếp vốn trung và dài hạn để triển khai việc đầu tư nâng cao năng lực thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng các hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.4. Về lao động và việc làm:

Trong năm, việc làm cho người lao động được đảm bảo; tổng lao động bình quân là 443 người; thu nhập bình quân đạt 8,2 triệu đồng/người/tháng. Việc thanh toán lương, giải quyết các chế độ cho người lao động tương đối kịp thời.

Hiện tại nguồn nhân lực của công ty thiếu ổn định và có xu hướng giảm, năng suất lao động chưa cao, hiệu quả sử dụng nhân lực và khả năng thu hút, giữ chân lao động còn hạn chế. Vấn đề trên đòi hỏi ban lãnh đạo công ty phải có chính sách phù hợp để khắc phục trong thời gian tới.

1.5. Về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: Công ty đã tuân thủ và thực hiện một cách có trách nhiệm các vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc

- Trong điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD, Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị và tập trung thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT;

- Ban Tổng giám đốc đã bám sát kế hoạch SXKD hàng quý của HĐQT để tổ chức thực hiện; phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên, nắm bắt và chỉ đạo mọi mặt công tác; báo cáo HĐQT đầy đủ, kịp thời khi được yêu cầu.

- Ban Tổng giám đốc cũng đã nỗ lực trong hoạt động đấu thầu, chào giá, mở rộng thị trường. Công ty đã ký kết thêm một số hợp đồng thi công mới, bổ sung một phần cho doanh thu thiếu hụt do một số dự án bị hoãn và giãn tiến độ, tạo cơ sở để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020.

Nhìn chung, kết quả SXKD năm 2019, nhiều chỉ tiêu chính không hoàn thành. Ngoài các nguyên nhân khách quan, còn có trách nhiệm của HĐQT và Ban điều hành. Trong đó, một số nhiệm vụ Ban điều hành cần phải tập trung thực hiện trong thời gian tới, chủ yếu gồm: tăng cường công tác quản lý sản xuất, tiết giảm chi phí; tháo gỡ vướng mắc để đẩy nhanh nghiệm thu, quyết toán; quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ; giảm nợ phải thu; giảm nợ vay và chi phí tài chính làm cơ sở để ổn định và phát triển sản xuất, nâng cao lợi nhuận.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

(1) Tiếp tục hoàn thiện và tăng cường giám sát, đảm bảo tuân thủ Điều lệ/Quy chế nội bộ để tăng hiệu quả công tác quản trị, quản trị rủi ro... phù hợp với quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

(2) Tiếp tục tập trung thực hiện có hiệu quả công tác quản trị trong các lĩnh vực chính, cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm phù hợp;
- Xây dựng và thực hiện đầu tư và hợp tác đầu tư hiệu quả;
- Duy trì các phiên họp định kỳ, các hoạt động kiểm tra để đánh giá kết quả hoạt động, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành; trên cơ sở đó đưa ra các định hướng phù hợp.

(3) Chỉ đạo và phối hợp cùng Ban Tổng giám đốc tập trung cải thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty bằng các giải pháp cụ thể:

+ Tăng cường kiểm soát chi phí, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tất cả nguồn lực (máy móc, dụng cụ, nhân công...) để giảm chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD;

+ Chuẩn hóa quy trình giao khoán, nâng cao hiệu quả công tác khoán và tăng cường việc kiểm soát sau khoán; thực hiện khoán sâu, gắn hiệu quả sản xuất với thu nhập, làm cơ sở nâng cao năng suất lao động;

+ Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến phương án tổ chức và biện pháp thi công hiệu quả, tiết kiệm;

+ Kết hợp thực hiện tốt công tác khoán, kiểm soát chi phí, nâng cao năng suất lao động để giảm đơn giá chào thầu, làm cơ sở nâng cao hiệu quả công tác thị trường.

+ Tiếp tục cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập để tăng mức độ thu hút và giữ chân người lao động;

(4) Tập trung thực hiện quyết liệt có hiệu quả công tác nghiệm thu, quyết toán và thu hồi vốn để bổ sung nguồn vốn tự có, giảm vay tín dụng.

(5) Tiếp tục thực hiện “Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty” theo kế hoạch đã đề ra.

(6) Thực hiện tốt chế độ báo cáo, công bố thông tin và công tác quan hệ cổ đông.

Phần V QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Lê Hữu Điều	Chủ tịch HĐQT	Cá nhân: 27.243	0,83%
		(Chuyên trách)	Đại diện TCT Lilama: 653.031	20%
2	Nguyễn Mạnh Hưởng	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 0	-
		Kế toán trưởng	Đại diện TCT Lilama: 489.773	15%
3	Nguyễn Văn Triều	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 0	-
		Tổng giám đốc	Đại diện TCT Lilama: 552.425	16%
4	Nguyễn Tất Linh	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 14.670	0.45%
5	Vũ Sơn Lâm	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 2.960	0.09%

Tóm tắt lý lịch ông: Lê Hữu Điều - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam

Số CMTND : 142499594 Cấp ngày: 02/04/2007 tại CA Hải Dương

Ngày tháng năm sinh : 15/07/1961

Nơi sinh : Thuy Lương - Thái Thụy - Thái Bình

Quê quán : Thuy Lương - Thái Thụy - Thái Bình

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 196B, đường Quang Trung, Tp Hải Dương, Tỉnh Hải Dương

Số điện thoại liên lạc: 0913.255.330

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

Từ 5/1982 -1/1987: KTV - Xí nghiệp Liên hợp lắp máy 69 Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

Từ 1/1987-1/1999: Đội trưởng - Xí nghiệp lắp máy 69-3 Kim Môn, Hải Dương

Từ 1/1999-6/2005: Phó Giám đốc Công ty lắp máy và xây dựng 69-3, Hải Dương

Từ 6/2005-1/2007: Giám đốc Công ty Cơ khí Lắp máy, thị xã Ninh Bình- T Ninh Bình

Từ 1/2007 – 4/2009: Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama

Từ 4/2009 – 08/2011: Chủ tịch HĐQT - Tổng GD Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama

Từ 09/2011 – nay: Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT không thành lập các tiểu ban, HĐQT phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo dõi các mặt và lĩnh vực hoạt động của công ty. Các thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo những vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách tại các kỳ họp HĐQT.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2019 Hội đồng quản trị đã thực hiện vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD của Công ty. Kiểm tra giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định và hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc. Tại các phiên họp thường kỳ, HĐQT ban hành Nghị quyết, đưa ra những định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp, kịp thời để chỉ đạo hoạt động SXKD.

a) Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Hữu Điều	Chủ tịch	24/04/2011	8	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Triều	Thành viên	01/09/2011	8	100%	
3	Ông Nguyễn Tất Linh	Thành viên	26/04/2016	8	100%	
4	Ông Vũ Sơn Lâm	Thành viên	26/04/2016	8	100%	
5	Ông Nguyễn Mạnh Hường	Thành viên	27/04/2017	8	100%	

b) Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	99/NQ-HĐQT-2019	14/03/2019	Thông qua: Báo cáo tài chính kiểm toán 2018.
2	100/NQ-HĐQT-2019	14/03/2019	Thông qua: Kế hoạch và tình hình thực hiện SXKD Quý 1/2019 – Kế hoạch SXKD Quý 2/2019; Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019; Chương trình, nội dung các báo cáo, tờ trình và văn bản tình ĐHĐCĐ phiên họp thường niên 2019; Một số chủ trương, định hướng điều hành sản xuất kinh doanh thời gian tới.
3	101/NQ-HĐQT/2019	10/05/2019	Thông qua: Phê duyệt đơn giá tiền lương 2019.
4	102/NQ-HĐQT/2019	28/06/2019	Thông qua: Kết quả SXKD Quý 2/2019; Kế

			hoạch SXKD Quý 3 năm 2019.
5	103/NQ-HĐQT/2019	18/07/2019	Bổ nhiệm ông Nguyễn Giang Nam giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty.
6	104/NQ-HĐQT/2019	24/07/2019	Thông qua: Thông qua phương án huy động vốn năm 2019.
7	105/NQ-HĐQT/2019	20/08/2019	Thông qua: Báo cáo tài chính bán niên soát xét 2019; Kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2019 và Kế hoạch SXKD Quý 3/2019.
8	106/NQ-HĐQT/2019	20/08/2019	Đánh giá tình hình SXKD và tình hình tài chính và thông qua một số chủ trương, định hướng trong SXKD.
9	107/NQ-HĐQT/2019	28/10/2019	Thông qua: Kết quả SXKD Quý 3/2019; Kế hoạch SXKD Quý 4 năm 2019 – ước thực hiện cả năm 2019 và Kế hoạch SXKD 2020.
10	108/NQ-HĐQT/2019	28/10/2019	Kéo dài thời hạn giữ chức vụ Phó tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Thanh Quang cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu.
11	109/NQ-HĐQT/2019	28/10/2019	Thông qua việc thanh lý một số tài sản cố định: hết niên hạn sử dụng, hỏng, không cần dùng cho hoạt động SXKD.

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập, không điều hành:

- Tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, đề xuất các ý kiến, thảo luận và biểu quyết các vấn đề tại các phiên họp HĐQT.
- Thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên HĐQT;
- Tuân thủ việc phân công trong nội bộ HĐQT về quản lý, giám sát các lĩnh vực hoạt động của công ty;
- Kịp thời có ý kiến với Ban giám đốc và HĐQT liên quan đến quyền của cổ đông.

1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

(1) Ông Lê Hữu Điều – Chủ tịch HĐQT

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của BKS:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Bà Nguyễn Thị Hồng Tân	Trưởng BKS	1.100	0,03
2	Ông Phạm Mạnh Đức	Thành viên	-	-
3	Ông Lê Tuấn Minh	Thành viên	4.761	0,15

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát tổ chức các phiên họp định kỳ 02 lần/năm để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và quy định của Pháp luật.

- Tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT, có ý kiến trực tiếp hoặc bằng văn bản về các nội dung có liên quan. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn về giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực, minh bạch mọi mặt hoạt động của Công ty.

- Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

3. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và BKS

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐ-2019 phiên họp thường niên 2019 ngày 26/04/2019.

- Cụ thể thực hiện năm 2019 như sau :

TT	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
1	Hội đồng quản trị (05 người)	1.017.128.538	96.000.000
2	Ban kiểm soát (03 người)	176.325.851	36.000.000
3	Thư ký HĐQT	118.819.482	18.000.000
	Tổng cộng :	1.312.273.871	150.000.000

- Các khoản lợi ích khác: Không

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

ST T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Thị Dung	Chị của ông Lê Tuấn Minh (Kiểm soát viên)	77.679	2,38%	79	0%	Bán
2	Nguyễn Văn Huân	Phó Tổng giám đốc Cty	18.365	0,56%	6.065	0,28%	Bán
3	Nguyễn Thị Hồng Tân	Trưởng Ban kiểm soát Cty	13.100	0,40%	1.100	0,03%	Bán
4	Lê Tuấn Minh	Kiểm soát viên	99.761	3,05%	4.761	0,15%	Bán

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Tập trung thực hiện chức năng quản trị và giám sát các mặt hoạt động.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ để tổng kết đánh giá kết quả và xây dựng kế

hoạch SXKD cho từng quý, ban hành nghị quyết, đưa ra những định hướng và các giải pháp để chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD.

- Phân công từng thành viên theo dõi các lĩnh vực hoạt động của công ty. Các thành viên HĐQT theo nhiệm vụ được phân công đã thực hiện chức năng giám sát thường xuyên, kịp thời có ý kiến với ban điều hành trong các vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tại các kỳ họp HĐQT.

- Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị:

+ Cử thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp;

+ Giám sát việc thực hiện Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty; kiện toàn hệ thống quy chế quản lý nội bộ và triển khai thực hiện nhất quán tại các đơn vị, công trình trực thuộc;

+ Hội đồng quản trị hoạt động với mục đích quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho công ty, do vậy để hoạt động của HĐQT ngày càng có hiệu quả các thành viên trong hội đồng quản trị cần phải nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao;

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên.

Phần VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

(Tóm tắt)

Số: 211 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, được lập ngày 25/02/2020, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

LÊ NGỌC KHUÊ**Phó Tổng Giám đốc***Giấy CNĐKHNKT số 0665-2019-126-1*

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH
GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2020

ĐỖ THỊ NGỌC**Kiểm toán viên***Giấy CNĐKHNKT số 3409-2019-126-1*

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA			BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Đ/c: 72E Đường Hoàng Diệu - TP Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình			Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	Đơn vị tính: đồng 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		184.642.748.029	220.777.402.193
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	4.077.052.293	4.452.462.001
1. Tiền	111		4.077.052.293	4.452.462.001
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.973.000.000	20.437.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	14.973.000.000	20.437.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		116.080.404.629	147.831.712.522
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	122.386.202.748	153.755.075.158
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	269.449.398	791.330.947
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	4.313.508.781	4.174.062.715
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(10.888.756.298)	(10.888.756.298)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	49.399.819.546	48.044.561.003
1. Hàng tồn kho	141		49.399.819.546	48.044.561.003
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		112.471.561	11.666.667
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	112.471.561	11.666.667
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.885.816.310	21.656.945.951
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		84.300.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	84.300.000	-
II. Tài sản cố định	220		10.688.680.695	10.417.484.281
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	8.312.977.698	10.417.484.281
- Nguyên giá	222		58.309.747.822	58.309.747.822
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(49.996.770.124)	(47.892.263.541)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	2.375.702.997	-
- Nguyên giá	225		2.611.245.455	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(235.542.458)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		20.112.835.615	11.239.461.670
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	20.112.835.615	11.239.461.670
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		215.528.564.339	242.434.348.144

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019				
(Tiếp theo)				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	Đơn vị tính: đồng 01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		167.405.273.483	194.226.856.561
I. Nợ ngắn hạn	310		163.912.834.363	189.668.745.047
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	29.655.305.545	48.252.904.858
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.159.959.889	899.716.631
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.276.384.533	3.747.908.750
4. Phải trả người lao động	314		5.601.325.418	7.174.012.060
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.312.372.455	460.672.534
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	4.131.697.274	5.409.606.386
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	118.534.191.923	123.634.326.917
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		241.597.326	89.596.911
II. Nợ dài hạn	330		3.492.439.120	4.558.111.514
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	1.588.264.113	2.859.986.514
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	1.904.175.007	1.698.125.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.123.290.856	48.207.491.583
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	48.123.290.856	48.207.491.583
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.651.550.000	32.651.550.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.651.550.000	32.651.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.102.723.500	3.102.723.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.114.232.377	1.114.232.377
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.539.297.525	8.016.696.695
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.715.487.454	3.322.289.011
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.412.596.793	1.988.280.164
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		302.890.661	1.334.008.847
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		215.528.564.339	242.434.348.144

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Đơn vị tính: đồng Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.01	122.423.319.664	171.077.202.701
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		122.423.319.664	171.077.202.701
4. Giá vốn hàng bán	11	V.02	106.290.931.526	149.845.434.606
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.132.388.138	21.231.768.095
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.03	1.125.023.024	135.325.209
7. Chi phí tài chính	22	V.04	10.089.709.471	9.987.937.633
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.089.709.471	9.987.937.633
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.05	6.789.088.363	9.717.155.671
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		378.613.328	1.662.000.000
11. Thu nhập khác	31		-	5.511.058
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	5.511.058
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		378.613.328	1.667.511.058
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.07	75.722.667	333.502.211
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	V.08	302.890.661	1.334.008.847
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		75	329
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		75	329

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ			
Theo phương pháp gián tiếp			
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019			
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		796.352.255	(20.848.688.676)
1. Lợi nhuận trước thuế	01	378.613.328	1.667.511.058
2. Điều chỉnh cho các khoản		11.178.944.515	11.964.432.429
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.340.049.041	2.125.641.118
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05	(1.125.023.024)	(135.325.209)
- Chi phí lãi vay	06	10.089.709.471	9.987.937.633
- Các khoản điều chỉnh khác	07	(125.790.973)	(13.821.113)
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.557.557.843	13.631.943.487
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	31.922.462.438	(10.083.542.901)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.355.258.543)	(7.566.092.877)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(21.537.082.570)	(79.267.973)
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(8.974.178.839)	(6.566.520.344)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.149.863.424)	(9.722.641.215)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(557.984.650)	(337.766.853)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(109.300.000)	(124.800.000)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		6.589.023.024	(18.167.528.791)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(90.854.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.806.000.000)	(20.102.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.270.000.000	1.890.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.125.023.024	135.325.209
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		(7.760.784.987)	32.537.156.470
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	161.245.870.273	159.894.061.596
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(167.811.905.263)	(126.892.799.139)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.194.749.997)	(464.105.987)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(375.409.708)	(6.479.060.997)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.452.462.001	10.931.522.998
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.077.052.293	4.452.462.001

Ninh Bình, ngày 06 tháng 03 năm 2020

Chi tiết Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2019 của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama được đăng tải trên website <http://www.lilamaemc.com.vn>

Ninh Bình, ngày 16 tháng 03 năm 2020



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Triều